TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2020/DS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2020
"Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Khánh
Ông Nguyễn Văn Mầm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1978 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã Thạnh Phú, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Trần Thị Th, sinh năm 1991 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

Vào ngày 08/6/2019 âl anh Võ Thanh Tính có hỏi vay tiền của tôi số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa Thận là 3%/tháng, đóng lãi hàng tháng, anh T hẹn đến ngày 28/8/2019 sẽ trả đủ vốn. Tuy nhiên, khi đến hẹn thì anh T không trả vốn, lãi cho tôi mà cứ hẹn lần, hẹn lựa nhưng vẫn không trả tiền cho

tôi. Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C xem xét giải quyết buộc vợ chồng anh T, chị Th phải trả cho tôi số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đối với anh Võ Thanh T và chị Trần Thị Th. Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 172/TB-TLVA ngày 25/02/2020 nhưng anh T, chị Th đều không có ý kiến bằng văn gửi Tòa án nhân dân huyện C, cũng không có đơn yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Võ Thanh T và chị Trần Thị Th. Tuy nhiên, anh Võ Thanh T và chị Trần Thị Th đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Anh Võ Thanh T và chị Trần Thị Th cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Thanh T và chị Trần Thị Th đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Võ Thanh T và chị Trần Thị Th không đến để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử xem như đương sự đã tự từ bỏ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Thanh T và chị Trần Thị Th là phù hợp.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn anh Lê Văn L với bị đơn là anh Võ Thanh T "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xeùt noäi dung vụ án: Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Thanh T trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng đã vay ngày 08/6/2019. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là T tiết không phải chứng minh. Do anh Võ Thanh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh L khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh L đã cung cấp giấy biên nhận nợ mà anh T đã ký nhận. Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng anh T không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng

không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc anh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Anh L trình bày trong thời gian anh T vay tiền dùng tiền mục đích là phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh trong gia đình nên buộc chị Trần Thị Th là vợ của anh T phải có trách nhiệm liên đới trả cho L số tiền 10.000.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn anh L không yêu cầu tính lãi suất đối với bà Diện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Võ Thanh Tphải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 91, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L.

1. Buoäc anh Võ Thanh T và chị Trần Thị Th traû cho anh Lê Văn L số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Võ Thanh T và chị Trần Thị Th phải chịu 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Văn L không phải chịu án phí, hoàn trả cho anh L số tiền 518.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai Th số 0005183 ngày 25/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh T, chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *THADS huyện C;*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Huỳnh Minh Tính